

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-PT

Ngày 26-12-2017

“V/v tranh chấp tài sản
sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình.

Các Thẩm phán: Ông La Minh Tường và Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Lê Xuân Phúc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp tranh chấp tài sản sau ly hôn.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1951;

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Bà Lê Thị C: Luật sư Phan Minh B đơn vị công tác Công ty Luật TNHH Đ, địa chỉ: 08 đường T, thành phố H. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Quý Q, sinh năm 1951;

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Trần Quý Q: Luật sư Trần Nhật N đơn vị công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Thanh A; Anh Trần Thanh B; Anh Trần Thanh C; Anh Trần H; Chị Trần Thị H; Chị Trần Thị H; Chị Trần Thị T; Chị Phan Thị Cẩm T.

Đều trú tại: Thôn Thấp Nhuận, xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế;

4. Người kháng cáo: Ông Trần Quý Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2016 và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Bà Lê Thị C trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 56/2016/QĐ-HNGĐ ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q giữa bà và ông Trần Quý Q đã được phân chia tài sản. Hiện còn diện tích 19,6 sào đất ruộng và yêu cầu Tòa án tạm giao toàn bộ diện tích 180.000 m² quyền sử dụng đất trang trại là tài sản chung của Ông Q và bà C chưa được chia.

Do đó, bà C viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế chia lại 19,6 sào đất ruộng và yêu cầu Tòa án tạm giao toàn bộ diện tích 180.000 m² quyền sử dụng đất trang trại cho bà để thuận tiện cho việc sinh sống, canh tác, chăn nuôi, trồng trọt của bà và các con.

Theo ông Trần Quý Q trình bày: Về lời khai của bà C là đúng. Ông Q cũng yêu cầu Tòa án chia đôi 19,6 sào đất ruộng và chia đôi quyền sử dụng đất là 180.000m² đất trang trại.

Tại buổi hòa giải ngày 15/3/2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện Q, Ông Q và bà C đã tự nguyện thỏa thuận được về việc phân chia diện tích đất ruộng. Ngày 10/4/2017 bà C đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia 19,6 sào đất ruộng và đến ngày 14/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành quyết định số 31/2017/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết một phần vụ án hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành làm việc, xác minh với Ủy ban nhân dân xã L; Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q và đại diện chi hội trang trại của xã L.

- Về đại diện chi hội trang trại của xã L cho biết: đất giao cho hộ gia đình bà C, Ông Q thì Nhà nước không thu thuế hằng năm mà còn hỗ trợ thêm tiền và từ khi bà C, Ông Q ly hôn đến nay bà C và các con của bà C là người trực tiếp canh tác, sản xuất trồng cây, chăn nuôi bò, heo, cá nên đề nghị quý cấp liên quan xem xét giải quyết cho bà C và các con để ổn định phát triển mô hình kinh tế trang trại.

- Về phía Ủy ban nhân dân xã L cho biết: thời hạn giao đất cho Ông Q và bà C hiện nay còn gần 05 năm. Quá trình sử dụng đất thì UBND huyện Q không thu

bất cứ loại thuế gì mà còn hỗ trợ một số tiền để phát triển trang trại là thủy lợi phí ruộng và thủy lợi phí hồ. Người hiện tại đang trực tiếp sản xuất và canh tác, chăn nuôi đúng mục đích sử dụng đất trên toàn bộ diện tích đất trang trại là bà C với các con của bà C nên theo phía Ủy ban xã nếu có tạm giao quyền sử dụng đất thì Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án và thực tế những người đang trực tiếp canh tác trên toàn bộ diện tích đất trang trại để có cách thức giải quyết cho hợp lý nhằm ổn định đời sống của các bên và tình hình chung của xã. Còn theo như yêu cầu của Ông Q chia đôi quyền sử dụng đất thì không thể vì đất này là đất nhà nước tạm giao cho Ông Q bà C sử dụng có thời hạn; mà thời hạn sử dụng đất trang trại chỉ còn đến năm 2022; mặt khác trên đất còn có tài sản gắn liền với đất.

- Về phía Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q cho biết: Theo như quyết định giao đất thì hộ Ông Q và bà C đã thực hiện đúng như mục đích giao đất. Phòng tài nguyên và môi trường được biết hiện tại người đang trực tiếp canh tác trên toàn bộ diện tích đất trang trại là do bà C và các con của bà C. Về việc tạm giao quyền sử dụng đất đối với thời gian còn lại cho một bên thì Phòng tài nguyên và môi trường không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ thực tế của vụ án để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật nhằm ổn định tình hình chung về tranh chấp đất đai trên địa bàn.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Q đã quyết định:

Áp dụng Điều 59; khoản 2 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tạm giao cho Bà Lê Thị C quản lý, sử dụng diện tích đất là 180.000m² (mười tám ha) trong đó đất lâm nghiệp: 9.000 m²; loại đất: đất nông nghiệp khác (theo quy định hiện nay) để lập trang trại tại thửa đất số K13 (nay là thửa NKH 18 (tờ bản đồ 30) và thửa NKH 100, NKH 101 (tờ bản đồ 31)), tọa lạc tại xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, thời hạn sử dụng đất: 20 năm theo Quyết định số 787/QĐ-UB ngày 12/7/2002 của UBND huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Lê Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Quý Q số tiền là 15.250.000 đ (*mười lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/9/2017 ông Trần Quý Q có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia đôi quyền sử dụng thửa đất đang tranh chấp mỗi người quản lý, sử dụng diện tích tương đương 90.000 m² để làm trang trại, phát triển kinh tế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, ý kiến của các luật sư, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đều tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì cần khắc phục.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 56/2016/QĐ-HNGĐ ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q thì ông Trần Quý Q và Bà Lê Thị C đã được chia toàn bộ tài sản trên đất. Nay các đương sự chỉ yêu cầu xem xét diện tích đất trang trại 180.000 m² là tài sản chung của vợ chồng.

Xét về diện tích 180.000m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Q giao cho Ông Q bà C. Nếu đúng chỉ giao cho vợ chồng bà C Ông Q thì đây là tài sản chung của vợ chồng và xét theo yêu cầu của Ông Q thì Tòa án phải xem xét để giải quyết theo yêu cầu của Ông Q và cần phải định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất là của ai ? và công sức đóng góp của các con của Ông Q bà C để xem xét triệt để toàn bộ vụ án. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không định giá. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không cho định giá giá trị sinh lợi từ đất của từng năm nếu không chia bằng hiện vật thì phải giải quyết bằng giá trị đối với bên không nhận đất. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng đầy đủ nên đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Xét về loại đất này dùng vào mục đích làm trang trại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ đất này thực tế Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho hộ gia đình hay cấp cho Ông Q, bà C. Theo hồ sơ vụ án thì phòng Tài nguyên môi trường huyện Q và tại phiên tòa hôm nay bà C Ông Q và các con bà C đều khẳng định diện tích đất làm trang trại được cấp cho hộ gia đình nên cũng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con của Ông Q bà C.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào thời hạn giao đất theo Quyết định số 787/QĐ-UB ngày 12/7/2002 của UBND huyện Q đến năm 2022 tức là còn khoảng 5 năm nên không định giá và cho rằng ông Trần Quý Q cũng đã có nơi sinh sống ổn định nên đã tạm giao toàn bộ diện tích 180.000m² là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quý Q để hủy toàn bộ bản án và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết

lại theo thủ tục chung như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Q không phải chịu. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng cho Ông Q (Biên lai thu tiền số 002525 ngày 25/9/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q, Tỉnh Thừa Thiên Huế).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Xử:

Hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Q giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1951;

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Quý Q, sinh năm 1951;

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Thanh A; Anh Trần Thanh B; Anh Trần Thanh C; Anh Trần H; Chị Trần Thị H; Chị Trần Thị H; Chị Trần Thị T; Chị Phan Thị Cẩm T.

Đều trú tại: Thôn Tháp Nhuận, xã L, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế; Và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Q không phải chịu. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng cho Ông Q (Biên lai thu tiền số 002525 ngày 25/9/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q, Tỉnh Thừa Thiên Huế).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện Q;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính